

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6 - 2021.

V/v “kiện ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Bùi Ngọc C, sinh năm 1964.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn LL, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt ông C, bà H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Ngọc C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1986 tại UBND phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu tự nguyện, khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng có xô sát đánh nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng không thể hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly

hôn với bà Nguyễn Thị H

* Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị H có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như ông C khai là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C chơi cờ bạc, gây lộn đánh nhau và bị bắt đi cải tạo 03 năm. Hết thời gian cải tạo, về địa phương ông C lại tiếp tục chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, vợ con, thường xuyên chửi bới đánh đập bà, ông C còn hay ghen tuông vô cớ, hay chửi bới xúc phạm bà và gia đình bà. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, thâm tâm bà cũng muốn ly hôn càng sớm càng tốt. Tuy nhiên vì hiện nay nội bộ gia đình ông C còn nhiều việc khúc mắc chưa giải quyết xong nên bà chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C và bà H cùng thống nhất xác định: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Ngọc Nam S, sinh năm 1986; Bùi Ngọc N, sinh năm 1989; Bùi Ngọc Quỳnh H, sinh năm 1990. Hiện nay cả ba con chung đã trưởng thành tự lập và lập gia đình ở riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông C và bà H cùng xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của UBND xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam: Nay ông C khởi kiện xin ly hôn bà H tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của ông bà theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của UBND phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam nơi ông C và bà H đăng ký kết hôn: Hồ sơ đăng ký kết hôn của công dân trên địa bàn phường MK vào năm 1986 không còn lưu giữ.

* Tại phiên tòa hôm nay: Ông C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Ngọc C. Xử lý hôn giữa ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Hiện nay các con chung của ông C, bà H đều đã trưởng thành tự lập nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Ông C và bà H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Thôn LL, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn” giữa ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

Ông C và bà H đều xác định ông bà lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên ông bà không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc có đăng ký kết hôn. Mặt khác, Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (nơi mà ông bà khai là cơ quan đăng ký kết hôn) xác định không còn hồ sơ quản lý về việc đăng ký kết hôn của công dân trên địa bàn vào thời điểm năm 1986. Tuy nhiên, việc ông C và bà H chung sống với nhau từ năm 1986 là có thật được ông bà, chính quyền thôn LL, xã PV, mẹ đẻ và chị gái ông C xác nhận. Đặc biệt con chung của ông bà là cháu Bùi Ngọc Nam S, sinh năm 1986 đã chứng minh điều này. Do đó, cuộc hôn nhân của ông C và bà H được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Ngọc C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông C và bà H đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có 03 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân mâu

thuần mà hai bên đưa ra là không giống nhau nhưng vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2008 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm là hoàn toàn có thật được ông bà công khai thừa nhận. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích nhưng ông C vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với bà H. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà H đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ, nên xử cho ông C ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông C và bà H có 03 con chung là Bùi Ngọc Nam S, sinh năm 1986; Bùi Ngọc N, sinh năm 1989; Bùi Ngọc Quỳnh H, sinh năm 1990. Hiện nay cả ba con chung đã trưởng thành tự lập và lập gia đình ở riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông C và bà H cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa ông Bùi Ngọc C và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Bùi Ngọc C phải nộp 300.000đ. Ông C được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004685 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông C đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên